

Phụ lục II
GIAO CHỈ TIÊU GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 CÁC DỰ ÁN DO UBND XÃ PHƯỜNG QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số /UBND-XDDT ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT	Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
	Tổng số	3.081.475	740.225	616.250	1.725.000		1.540.738	2.311.106	3.081.475	
1	UBND phường Ninh Kiều	103.134	24.775	20.625	57.734		51.567	77.351	103.134	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
2	UBND phường Long Xuyên	26.811	6.440	5.362	15.009		13.406	20.108	26.811	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
3	UBND phường Thốt Nốt	50.465	12.123	10.092	28.250		25.233	37.849	50.465	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
4	UBND xã Cờ Đỏ	27.288	6.555	5.457	15.276		13.644	20.466	27.288	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
5	Xã Thới Lai	21.226	5.099	4.245	11.882		10.613	15.920	21.226	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
6	UBND xã Vĩnh Thạnh	20.735	4.981	4.147	11.607		10.368	15.551	20.735	Chủ tịch Trương Cảnh Tuyên
7	UBND phường Vị Thanh	32.619	7.836	6.523	18.260		16.310	24.464	32.619	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
8	UBND phường Vị Tân	44.233	10.625	8.846	24.762		22.117	33.175	44.233	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
9	UBND xã Hòa Lự	18.833	4.525	3.766	10.542		9.417	14.125	18.833	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
10	UBND xã Thạnh Xuân	35.586	8.548	7.117	19.921		17.793	26.690	35.586	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
11	Xã Trường Xuân	26.813	6.441	5.362	15.010		13.407	20.110	26.813	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
12	Xã Trường Thành	21.924	5.266	4.385	12.273		10.962	16.443	21.924	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Hòa
13	UBND phường Phú Lợi	65.711	15.785	13.141	36.785		32.856	49.283	65.711	Phó Chủ tịch Vương Quốc Nam
14	UBND phường Sóc Trăng	49.875	11.981	9.974	27.920		24.938	37.406	49.875	Phó Chủ tịch Vương Quốc Nam
15	UBND xã Long Phú	28.425	6.828	5.685	15.912		14.213	21.319	28.425	Phó Chủ tịch Vương Quốc Nam
16	UBND xã Đại Ngãi	19.515	4.688	3.903	10.924		9.758	14.636	19.515	Phó Chủ tịch Vương Quốc Nam
17	UBND xã Mỹ Hương	32.316	7.763	6.463	18.090		16.158	24.237	32.316	Phó Chủ tịch Vương Quốc Nam

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Trong đó			Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT					
18	UBND phường Mỹ Xuyên	30.907	7.424	6.181	17.302	15.454	23.180	30.907	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khởi	
19	UBND phường Khánh Hòa	24.446	5.872	4.889	13.685	12.223	18.335	24.446	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khởi	
20	UBND xã Phong Nẫm	18.891	4.538	3.778	10.575	9.446	14.168	18.891	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khởi	
21	UBND xã Trường Khánh	22.074	5.303	4.414	12.357	11.037	16.556	22.074	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khởi	
22	UBND xã Mỹ Tú	23.333	5.605	4.666	13.062	11.667	17.500	23.333	Phó Chủ tịch Nguyễn Văn Khởi	
23	UBND phường Hưng Phú	52.217	12.543	10.443	29.231	26.109	39.163	52.217	Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Ngọc Diệp	
24	UBND phường Phước Thới	42.654	10.246	8.530	23.878	21.327	31.991	42.654	Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Ngọc Diệp	
25	Xã Phong Điền	42.510	10.212	8.501	23.797	21.255	31.883	42.510	Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Ngọc Diệp	
26	Xã Nhơn Ái	23.050	5.537	4.610	12.903	11.525	17.288	23.050	Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Ngọc Diệp	
27	Xã Trường Long	18.836	4.525	3.767	10.544	9.418	14.127	18.836	Phó Chủ tịch Nguyễn Thị Ngọc Diệp	
28	UBND phường Long Mỹ	25.459	6.116	5.091	14.252	12.730	19.094	25.459	Phó Chủ tịch Trần Chí Hùng	
29	UBND phường Ngã Bảy	26.207	6.295	5.241	14.671	13.104	19.655	26.207	Phó Chủ tịch Trần Chí Hùng	
30	UBND xã Xà Phiên	31.256	7.508	6.251	17.497	15.628	23.442	31.256	Phó Chủ tịch Trần Chí Hùng	
31	UBND xã Đông Hiệp	18.745	4.503	3.749	10.493	9.373	14.059	18.745	Phó Chủ tịch Trần Chí Hùng	
32	Xã Đông Thuận	18.698	4.492	3.739	10.467	9.349	14.024	18.698	Phó Chủ tịch Trần Chí Hùng	
33	UBND phường An Bình	31.216	7.499	6.243	17.474	15.608	23.412	31.216	Giám đốc Công an thành phố Huỳnh Việt Hòa	
34	UBND xã Tân Hòa	41.970	10.082	8.393	23.495	20.985	31.478	41.970	Giám đốc Công an thành phố Huỳnh Việt Hòa	
35	UBND xã Đông Phước	23.398	5.621	4.679	13.098	11.699	17.549	23.398	Giám đốc Công an thành phố Huỳnh Việt Hòa	
36	UBND xã Vị Thanh 1	28.735	6.902	5.747	16.086	14.368	21.551	28.735	Giám đốc Công an thành phố Huỳnh Việt Hòa	
37	UBND xã Vĩnh Tường	19.466	4.676	3.893	10.897	9.733	14.600	19.466	Giám đốc Công an thành phố Huỳnh Việt Hòa	

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Trong đó			Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT					
38	UBND phường Cái Răng	59.894	14.388	11.978	33.528		29.947	44.921	59.894	Chi huy trưởng Bộ Chi huy quân sự thành phố Huỳnh Văn Hung
39	UBND xã Phú Hữu	35.300	8.479	7.060	19.761		17.650	26.475	35.300	Chi huy trưởng Bộ Chi huy quân sự thành phố Huỳnh Văn Hung
40	UBND xã Châu Thành	39.281	9.436	7.856	21.989		19.641	29.461	39.281	Chi huy trưởng Bộ Chi huy quân sự thành phố Huỳnh Văn Hung
41	UBND xã Vị Thới	21.587	5.185	4.317	12.085		10.794	16.190	21.587	Chi huy trưởng Bộ Chi huy quân sự thành phố Huỳnh Văn Hung
42	UBND xã Tân Bình	23.229	5.580	4.645	13.004		11.615	17.422	23.229	Chi huy trưởng Bộ Chi huy quân sự thành phố Huỳnh Văn Hung
43	UBND phường Long Bình	23.448	5.633	4.689	13.126		11.724	17.586	23.448	Giám đốc Sở Nội vụ Phạm Thị Phương
44	UBND xã Vĩnh Thuận Đông	24.035	5.773	4.807	13.455		12.018	18.026	24.035	Giám đốc Sở Nội vụ Phạm Thị Phương
45	UBND xã Lương Tâm	18.755	4.505	3.751	10.499		9.378	14.066	18.755	Giám đốc Sở Nội vụ Phạm Thị Phương
46	UBND xã Vĩnh Viễn	19.654	4.721	3.931	11.002		9.827	14.741	19.654	Giám đốc Sở Nội vụ Phạm Thị Phương
47	UBND phường Vĩnh Châu	41.408	9.947	8.281	23.180		20.704	31.056	41.408	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Trọng Sơn
48	UBND xã Trường Long Tây	18.822	4.521	3.764	10.537		9.411	14.117	18.822	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Trọng Sơn
49	UBND xã Trần Đề	47.489	11.408	9.497	26.584		23.745	35.617	47.489	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Trọng Sơn
50	UBND xã Vĩnh Hải	19.728	4.739	3.945	11.044		9.864	14.796	19.728	Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Nguyễn Trọng Sơn
51	UBND phường Bình Thủy	41.191	9.894	8.238	23.059		20.596	30.893	41.191	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Ngô Thái Chân
52	UBND xã Kế Sách	26.823	6.443	5.364	15.016		13.412	20.117	26.823	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Ngô Thái Chân
53	Xã Thới An Hội	23.238	5.582	4.647	13.009		11.619	17.429	23.238	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Ngô Thái Chân
54	UBND xã Thạnh Phú	19.878	4.775	3.975	11.128		9.939	14.909	19.878	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Ngô Thái Chân
55	UBND xã Thới Hưng	18.695	4.491	3.739	10.465		9.348	14.021	18.695	Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Ngô Thái Chân
56	UBND phường Thới An Đông	38.150	9.165	7.629	21.356		19.075	28.613	38.150	Giám đốc Sở Xây dựng Mai Văn Tân
57	UBND xã Trung Hưng	30.715	7.378	6.143	17.194		15.358	23.036	30.715	Giám đốc Sở Xây dựng Mai Văn Tân

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Trong đó			Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT					
58	UBND xã Phụng Hiệp	19.878	4.775	3.975	11.128		9.939	14.909	19.878	Giám đốc Sở Xây dựng Mai Văn Tân
59	UBND xã Tài Văn	22.183	5.329	4.436	12.418		11.092	16.637	22.183	Giám đốc Sở Xây dựng Mai Văn Tân
60	UBND xã Thạnh Thới An	18.748	4.504	3.749	10.495		9.374	14.061	18.748	Giám đốc Sở Xây dựng Mai Văn Tân
61	UBND phường Trung Nhứt	23.537	5.654	4.707	13.176		11.769	17.653	23.537	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ngô Anh Tín
62	UBND phường Thới Long	31.938	7.672	6.387	17.879		15.969	23.954	31.938	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ngô Anh Tín
63	UBND xã Thạnh Hòa	36.615	8.795	7.323	20.497		18.308	27.461	36.615	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ngô Anh Tín
64	UBND xã Lai Hòa	19.167	4.604	3.833	10.730		9.584	14.375	19.167	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ngô Anh Tín
65	UBND xã Hiệp Hưng	21.175	5.086	4.235	11.854		10.588	15.881	21.175	Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Ngô Anh Tín
66	UBND phường Tân Lộc	34.388	8.261	6.877	19.250		17.194	25.791	34.388	Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Lâm Hoàng Mẫu
67	UBND xã Gia Hòa	25.403	6.102	5.080	14.221		12.702	19.052	25.403	Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Lâm Hoàng Mẫu
68	UBND xã Nhu Gia	24.750	5.945	4.950	13.855		12.375	18.563	24.750	Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Lâm Hoàng Mẫu
69	UBND xã Thạnh An	21.664	5.203	4.333	12.128		10.832	16.248	21.664	Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo Lâm Hoàng Mẫu
70	UBND phường Long Phú 1	23.426	5.627	4.685	13.114		11.713	17.570	23.426	Giám đốc Sở Y tế Hoàng Quốc Cường
71	UBND xã Ngọc Tố	30.554	7.340	6.110	17.104		15.277	22.916	30.554	Giám đốc Sở Y tế Hoàng Quốc Cường
72	UBND xã An Thạnh	28.312	6.801	5.662	15.849		14.156	21.234	28.312	Giám đốc Sở Y tế Hoàng Quốc Cường
73	UBND xã Lịch Hội Thượng	21.971	5.278	4.394	12.299		10.986	16.478	21.971	Giám đốc Sở Y tế Hoàng Quốc Cường
74	UBND phường Vĩnh Phước	32.299	7.759	6.459	18.081		16.150	24.224	32.299	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Bảy
75	UBND xã An Ninh	37.711	9.059	7.542	21.110		18.856	28.283	37.711	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Bảy
76	UBND xã Hòa An	22.919	5.506	4.583	12.830		11.460	17.189	22.919	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Bảy
77	UBND xã Tân Long	24.453	5.874	4.890	13.689		12.227	18.340	24.453	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Bảy

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Trong đó			Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT					
78	UBND xã Mỹ Phước	18.755	4.505	3.751	10.499		9.378	14.066	18.755	Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Nguyễn Văn Bảy
79	UBND phường Ngã Năm	50.568	12.147	10.113	28.308		25.284	37.926	50.568	Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Văn Quân
80	UBND phường Mỹ Quới	23.488	5.643	4.697	13.148		11.744	17.616	23.488	Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Văn Quân
81	UBND xã Tân Thạnh	23.096	5.548	4.619	12.929		11.548	17.322	23.096	Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Văn Quân
82	UBND xã Phương Bình	21.294	5.116	4.258	11.920		10.647	15.971	21.294	Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Văn Quân
83	UBND xã Tân Phước Hưng	18.888	4.538	3.777	10.573		9.444	14.166	18.888	Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Văn Quân
84	UBND phường Ô Môn	46.614	11.197	9.322	26.095		23.307	34.961	46.614	Giám đốc Sở Công Thương Hà Vũ Sơn
85	UBND xã Nhơn Mỹ	26.591	6.388	5.318	14.885		13.296	19.943	26.591	Giám đốc Sở Công Thương Hà Vũ Sơn
86	UBND xã Liêu Tú	19.016	4.568	3.803	10.645		9.508	14.262	19.016	Giám đốc Sở Công Thương Hà Vũ Sơn
87	UBND xã Vĩnh Trinh	29.894	7.181	5.978	16.735		14.947	22.421	29.894	Giám đốc Sở Công Thương Hà Vũ Sơn
88	UBND phường Thuận Hưng	32.582	7.826	6.516	18.240		16.291	24.437	32.582	Chánh Thanh tra thành phố Lê Trọng Nguyên
89	UBND xã Cù Lao Dung	34.101	8.192	6.820	19.089		17.051	25.576	34.101	Chánh Thanh tra thành phố Lê Trọng Nguyên
90	UBND xã Thạnh Quới	26.358	6.332	5.271	14.755		13.179	19.769	26.358	Chánh Thanh tra thành phố Lê Trọng Nguyên
91	UBND xã An Lạc Thôn	45.948	11.038	9.189	25.721		22.974	34.461	45.948	Chánh Thanh tra thành phố Lê Trọng Nguyên
92	UBND phường Cái Khế	49.739	11.948	9.947	27.844		24.870	37.304	49.739	Giám đốc Sở Tài chính Lê Thanh Tâm
93	UBND xã Đại Hải	27.090	6.508	5.418	15.164		13.545	20.318	27.090	Giám đốc Sở Tài chính Lê Thanh Tâm
94	UBND xã Phú Tâm	19.655	4.722	3.931	11.002		9.828	14.741	19.655	Giám đốc Sở Tài chính Lê Thanh Tâm
95	UBND xã Vĩnh Lợi	20.072	4.822	4.014	11.236		10.036	15.054	20.072	Giám đốc Sở Tài chính Lê Thanh Tâm
96	UBND phường Đại Thành	23.404	5.622	4.680	13.102		11.702	17.553	23.404	Giám đốc Sở Ngoại vụ Hồ Thị Thanh Bạch
97	UBND xã Hòa Tú	18.824	4.521	3.765	10.538		9.412	14.118	18.824	Giám đốc Sở Ngoại vụ Hồ Thị Thanh Bạch

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm 2026				Chỉ tiêu giải ngân (Theo Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/01/2026)				Phân công theo dõi, quản lý (**)
		Tổng số	Ngân sách địa phương			Trong đó				
			Trong đó			Quý I/2026	Quý II/2026	Quý III/2026	Quý IV/2026	
			Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT					
98	UBND xã Hồ Đắc Kiên	30.588	7.348	6.117	17.123		15.294	22.941	30.588	Giám đốc Sở Ngoại vụ Hồ Thị Thanh Bạch
99	UBND xã Long Hưng	22.379	5.376	4.475	12.528		11.190	16.784	22.379	Giám đốc Sở Ngoại vụ Hồ Thị Thanh Bạch
100	UBND phường Tân An	63.481	15.249	12.696	35.536		31.741	47.611	63.481	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
101	UBND xã Thuận Hòa	30.903	7.424	6.180	17.299		15.452	23.177	30.903	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
102	UBND xã Lâm Tân	22.011	5.288	4.402	12.321		11.006	16.508	22.011	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo
103	UBND xã Phú Lộc	34.148	8.203	6.829	19.116		17.074	25.611	34.148	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo